Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố
Ngày ký: 05/01/2022 11:04:42 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33 /2021/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội tại Tờ trình số 213/TTr-SXD ngày 15/9/2021 về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thông báo số 825/TB-UBND ngày 07/12/2021 của UBND Thành phố về việc Kết luận của UBND Thành phố về việc ban hành "Quy định trách nhiệm về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội", văn bản số 10803/SXD-GĐXD ngày 24/12/2021 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các phường, xã, thị trấn; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, Tư pháp, Công Thương, GTVT, NN&PTNT, Công an;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy HN;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND TP HN;
- VPUBTP: CVP/các PCVP, các Phòng thuộc VP UBND TP;
- Trung tâm tin học-Công báo;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, XDGT.

(40)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số: 33 /2021/QĐ-UBND ngày 31 /12 /2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành thuộc Uỷ ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện; chủ đầu tư, nhà đầu tư, các nhà thầu trong nước và nước ngoài, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG, THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC SỞ, NGÀNH

Điều 3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng, bao gồm các công trình được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này. Kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác

nghiệm thu công trình xây dựng ra văn bản Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

3. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau (theo Phụ lục số I. Phân loại công trình theo công năng sử dụng; phân loại, phân cấp công trình theo khoản 1, 4 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành phối hợp kiểm tra khi được cơ quan chủ trì mời tham gia, có ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

4. Đối với công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại khoản 3 Điều này và chủ đầu tư thực hiện theo nội dung kiểm tra, trình tự kiểm tra, chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình được quy định tại khoản 4, 5, 6 và khoản 8 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Uỷ ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn.

4. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, chi tiết phân loại công trình theo Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, tại: Mục I; khoản 1, khoản 7 Mục II; Mục III; khoản 1 Mục IV (không bao gồm đường nông thôn).

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 4 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 4 Điều này;

c) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục I, khoản II.1 và II.7 Mục II, Mục III, khoản IV.1 Mục IV (đường bộ trong đô thị, trừ đường quốc lộ qua đô thị) Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

6. Tiếp nhận, xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình chuyên ngành do mình quản lý đến chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo phân cấp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 25 của Quy định này

7. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

8. Giám định xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 và điểm a khoản 3 Điều 27 của Quy định này.

9. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Quy định này.

10. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ, đột xuất về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

11. Tham gia kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành chủ trì và tham gia Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu.

12. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 12) và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp theo quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành

kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

c) Công trình cấp II, III thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục II Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình giao thông theo quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng (trừ công trình đường bộ trong đô thị do Sở Xây dựng quản lý), ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

c) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục IV Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình gồm: công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

c) Công trình thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 4 của Quy định này đối với công trình chuyên ngành do mình quản lý.

2. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu công nghiệp và chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm: công trình sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp theo quy định tại Mục II Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý).

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý sau đây trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP:

a) Công trình sử dụng vốn đầu tư công cấp II, III, IV bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này;

b) Công trình cấp II, III thuộc Danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng quy định tại Mục II Phụ lục X kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, bao gồm các loại công trình tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng và cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP

1. Cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển thành phố)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo qui định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công, chỉ được quyết toán hợp đồng thi công xây dựng sau khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG, THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng do mình quản lý được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng đánh giá an toàn công trình trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 của Quyết định này.

5. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

6. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

7. Giám định xây dựng, giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 và điểm b khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

8. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 của Quy định này.

9. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 10 tháng 12 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 12. Trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại khoản 1 đến khoản 9 Điều 11 Quy định này.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công cấp III, IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm: công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn theo khoản 3 Mục III Phụ lục I Phân loại công trình theo công năng sử dụng, ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP).

Điều 13. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; kiểm tra quá trình thi công công

trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân Thành phố về sự cố theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này.

4. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ THI CÔNG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 14. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Thực hiện các nội dung quản lý thi công xây dựng công trình, trình tự quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 10, 11 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp dự án PPP thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, điểm a khoản 7, khoản 8, điểm a khoản 9 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP trong các trường hợp: chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực; chủ đầu tư thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình; trường hợp áp dụng hình thức hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay.

5. Quản lý khối lượng thi công xây dựng, quản lý tiến độ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 17, 18 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình; thực hiện giám sát thi công xây dựng của tổng thầu; tổ chức giám sát đối với trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 6 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này hoặc các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

8. Nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng thực kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21 và Điều 22, 23, 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 3 của quy định này còn phải được các cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Quy định này hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP). Đối với công trình thuộc dự án PPP, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là căn cứ để doanh nghiệp dự án PPP lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

9. Về trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được gửi tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại khoản 5 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP để tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

10. Thực hiện lập và phê duyệt quy trình bảo trì, bàn giao tài liệu phục vụ bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy định này.

11. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

12. Bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

13. Thực hiện công tác bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

14. Thực hiện phá dỡ công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 của Quy định này.

15. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

16. Khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Quyết định này.

17. Chủ đầu tư xây dựng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

18. Chi phí giám định xây dựng và trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 21 của Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của người lao động trong việc đảm bảo an toàn lao động trên công trường

1. Người lao động của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng khi hoạt động trên công trường phải tuân thủ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Người lao động nghiêm túc thực hiện các quy định về công tác an toàn lao động được quy định tại điểm b, c, d khoản 18 Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình

1. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện giám sát tác giả trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Xem xét để xử lý khi có khối lượng phát sinh ngoài thiết kế, dự toán xây dựng công trình được duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy định này.

4. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy định này.

5. Có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thực hiện theo các nội dung giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Quản lý khối lượng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Quản lý tiến độ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Đối với các công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công thì nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 7 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Trường hợp chủ đầu tư được quyền tự thực hiện giám sát thi công xây dựng và trường hợp áp dụng loại hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay, thì trách nhiệm thực hiện giám sát thi công xây dựng và năng lực của tổ chức thực hiện giám sát được quy định tại khoản 3, 4 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Trường hợp chủ đầu tư, tổng thầu EPC, tổng thầu theo hình thức chìa khóa trao tay tự thực hiện đồng thời việc giám sát và thi công xây dựng công trình thì chủ đầu tư, tổng thầu thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Quản lý khối lượng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Quản lý tiến độ thi công xây dựng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Tổng thầu có trách nhiệm thực hiện giám sát thi công xây dựng trong trường hợp áp dụng loại hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng; kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21 và Điều 22, 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Điều kiện năng lực của nhà thầu; phân định trách nhiệm của các nhà thầu (trường hợp áp dụng hình thức liên danh các nhà thầu); trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng của tổng thầu EPC được quy định theo khoản 2, 3, 4 Điều 7 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng được quy định tại Điều 23 của Quy định này

8. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

9. Quản lý, sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật an toàn

và thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn. Khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 của Quyết định này.

Điều 19. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế; bên giao thầu

1. Trách nhiệm của nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường; trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế; trách nhiệm của bên giao thầu (bên mua); hồ sơ quản lý chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 12 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu cung ứng thiết bị thực hiện trách nhiệm bảo hành phần công việc do mình thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy định này.

3. Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình

1. Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng phải được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có năng lực theo quy định của pháp luật. Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình là các hoạt động đo lường được quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình và nhà thầu thi công tổ chức thực hiện các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc, trắc đạc công trình trong quá trình thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 21. Trách nhiệm của nhà thầu thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình; giám định xây dựng

1. Nhà thầu thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về chất lượng và an toàn đối với công việc do mình thực hiện.

2. Thí nghiệm đối chứng trong quá trình thi công xây dựng được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình được thực hiện trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Nội dung, chi phí kiểm định xây dựng được quy định tại khoản 3, 4 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Giám định xây dựng.

a) Nội dung giám định xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức giám định đối với các công trình cấp I, II trên địa bàn; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định đối với các công trình còn lại trên địa bàn, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Các Sở quản lý công trình chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố giám định xây dựng công trình cấp I, II đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giám định xây dựng đối với các công trình còn lại trên địa bàn quản lý;

c) Chi phí giám định xây dựng và trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định được quy định tại khoản 3, 4 Điều 6 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 22. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện tác bảo trì công trình xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 24 Quy định này.

2. Thực hiện công tác đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này.

3. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

4. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế theo quy định tại điểm b, d, đ khoản 2 Điều 26 của Quy định này.

5. Thực hiện phá dỡ công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 của Quy định này.

6. Giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Quy định này.

7. Chi phí giám định xây dựng và trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức giám định được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 21 của Quy định này.

Chương V

TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH, BẢO TRÌ, PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 23. Trách nhiệm trong công tác bảo hành công trình xây dựng

1. Thời hạn bảo hành

a) Thời hạn bảo hành đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp được tính kể từ khi chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định được quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Thời hạn bảo hành đối với các thiết bị công trình, thiết bị công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công, công trình sử dụng vốn khác mức tiền bảo hành tối thiểu được quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư, nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành công trình theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 24. Trách nhiệm trong công tác bảo trì công trình xây dựng

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng

a) Tổ chức thực hiện theo trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Điều 30 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Lập và phê duyệt và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì công trình xây dựng, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Có trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì công trình xây dựng, tổ chức thực hiện bảo trì công trình xây dựng, quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng, chi phí bảo trì công trình xây dựng được quy định từ Điều 32 đến Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Thực hiện điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Bàn giao các tài liệu phục vụ bảo trì công trình xây dựng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình cùng với hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

4. Nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị vào công trình có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình.

Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình

a) Tổ chức đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Trường hợp kết quả đánh giá cho thấy công trình không đảm bảo điều kiện an toàn có trách nhiệm thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá an toàn công trình

a) Thực hiện đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

b) Nội dung đánh giá an toàn công trình được quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức rà soát các công trình thuộc đối tượng đánh giá an toàn công trình trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc tiếp nhận, xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đến chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc danh mục các công trình phải được đánh giá an toàn công trình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

Điều 26. Trách nhiệm xử lý công trình có dấu hiệu nguy hiểm, công trình hết thời hạn sử dụng, phá dỡ công trình xây dựng

1. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế

a) Các trường hợp không tiếp tục sử dụng đối với công trình hết thời hạn sử dụng được quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình xác định thời hạn sử dụng công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình. Đối với công trình có ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng, trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi công trình hết thời hạn sử dụng, Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về thời điểm hết thời hạn sử dụng công trình và dự kiến phương án xử lý đối với công trình sau khi hết hạn sử dụng.

c) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm rà soát các công trình xây dựng không đủ cơ sở để xác định được thời hạn sử dụng; tổ chức thực hiện việc xác định thời hạn sử dụng, công bố công trình hết thời hạn sử dụng; thông báo về việc dừng sử dụng và yêu cầu chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm phá dỡ công trình theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Đối với công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ đối tượng nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân) chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm a, b, d khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến việc kéo dài thời gian sử dụng của công trình theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

đ) Đối với nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình cá nhân hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Phá dỡ công trình

a) Các tình huống phá dỡ công trình xây dựng, phương án, giải pháp phá dỡ công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm quyết định việc phá dỡ công trình; quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng được quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện phá dỡ công trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Người được giao quản lý, thực hiện phá dỡ khẩn cấp công trình có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT SỰ CỐ TRONG THI CÔNG VÀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 27. Phân cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; giải quyết sự cố công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng

1. Phân cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình; báo cáo sự cố công trình xây dựng; hồ sơ sự cố công trình xây dựng được quy định tại Điều 43, 44 và Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng.

a) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết sự cố công trình cấp I; Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết sự cố công trình cấp II, III trên địa bàn quản lý. Giải quyết sự cố công trình xây dựng được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm giám định sự cố công trình xây dựng

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố giám định nguyên nhân sự cố công trình cấp I đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này; Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giám định sự cố công trình cấp II, III trên địa bàn quản lý;

b) Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng được quy định tại khoản 3, 4 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 28. Sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị; điều tra sự cố về máy, thiết bị; lập hồ sơ sự cố về máy, thiết bị

1. Các trường hợp sự cố gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình được quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm khai báo, báo cáo và phân cấp giải quyết sự cố về máy, thiết bị.

a) Khi xảy ra sự cố về máy, thiết bị chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm khai báo, báo cáo và giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7 Điều 49, khoản 4, 5 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; lập hồ sơ xử lý sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Các Sở quản lý công trình chuyên ngành tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố điều tra, giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản

2, 3 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành thuộc phạm vi của Sở quản lý được quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giải quyết sự cố về máy, thiết bị theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 49 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cấp công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày 26/01/2021 được xác định theo quy định theo khoản 1 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng khởi công trước ngày 26/01/2021 thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn theo phân cấp quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 12 của Quy định này và điểm a, b, d khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Công trình khởi công trước ngày 26/01/2021 thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP thì thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này.

4. Phân cấp công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị) khởi công công trình trước ngày Quyết định này có hiệu lực và đang thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thì tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này; công trình khởi công sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì Sở Xây dựng thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này.

6. Đối với công trình công nghiệp trong khu công nghiệp và chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội khởi công trình trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì sở Công Thương tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác

nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này; công trình khởi công sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì Ban Quản lý Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Quyết định này.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ngành: Xây dựng; Công Thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư; nhà đầu tư; các nhà thầu trong nước và nước ngoài; cơ quan ký kết hợp đồng và cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết hợp đồng đối với dự án PPP; các các cơ quan cấp phát, thanh toán; chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung tại Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 33 /2021/QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2021 của UBND thành phố Hà Nội)

UBND cấp xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng... năm 202...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15 /11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện …

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 13 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số ...../2021/QĐ-UBND của Ủy ban dân dân Thành phố, Ủy ban dân dân cấp xã ……báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

TT	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thi công XD	Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
1										
...										

CHỦ TỊCH

(Ký tên , đóng dấu)